

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2025/HS-PT

Ngày 28 tháng 5 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 05 năm 2025, tại phòng xét xử trực tuyến điểm cầu trung tâm tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 189/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Hoàng G.

Do có kháng cáo của 02 bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Họ và tên: Trần Ngọc S, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2000; Nơi thường trú: Khóm C, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: Khóm C, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Chạy xe G1; Con ông: Trần Ngọc C, sinh năm 1974; Con bà: Nguyễn Chúc L, sinh năm 1979; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 199/2018/HS-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tuyên phạt Trần Ngọc S 03 (ba) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Đã chấp hành xong án phạt tù ngày 02/02/2021, đã thi hành án các khoản án phí, bồi thường ngày 13/5/2019 và 17/7/2019 (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt quả tang và tạm giữ từ 17/7/2023 đến 26/7/2023 chuyển tạm giam cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

2. Họ và tên: **Trịnh Hoàng G**, sinh ngày 25 tháng 5 năm 2000; Nơi thường trú: Ấp B, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Nơi ở: Khóm A, Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông: Trịnh Thanh L1, sinh năm 1971; Con bà: Trần Kim M, sinh năm 1973; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/4/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh C.

(Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần).

- **Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Hoàng G:** Luật sư Trần Thanh P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Trần Nhật Q, Nguyễn Đăng Trường V, Huỳnh Chí H, Trần Triệu V1, Võ Hải Đ, Huỳnh Đ1 không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3 năm 2023 đến khoảng tháng 4 năm 2024, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T (T) đã chủ mưu, cầm đầu nhiều đường dây mua bán trái phép chất ma túy nhằm mục đích thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

- Đường dây thứ nhất:

Vào khoảng tháng 03/2023, bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T tìm người bán ma túy để mua về bán lại kiếm lời, T được người khác giới thiệu tài khoản telegram của một người nam thanh niên (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) bán ma túy tại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, T kết bạn telegram và liên hệ mua ma túy gửi từ Thành phố Hồ Chí Minh về Cà Mau cho T qua dịch vụ xe khách Tuấn H1, tiền mua ma túy Trần chuyển khoản hoặc thuê G1 đi gửi tại ngân hàng. Khi có nguồn ma túy, T chỉ đạo bị cáo Võ Hải Đ cất giấu ma túy và đi giao ma túy cho người mua. Đến cuối tháng 6/2023, T chỉ đạo cho Đ tìm thêm người để cùng bán ma túy, đồng thời tìm thuê phòng trọ làm nơi cất giấu ma túy. Đăng liên hệ với các bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Hoàng G giúp đi giao ma túy cho người mua. Bị cáo Đ cùng bị can Trần Triệu V1, cả hai sống chung như vợ chồng đến thuê phòng trọ số A, nhà trọ “Thành Phát” thuộc Khóm G, Phường G, thành phố C để làm nơi cất giấu ma túy. Đ giao thêm cho S công việc cất giấu và quản lý ma túy tại phòng trọ số 10. Khi có người liên hệ mua ma túy, T sẽ gửi số điện thoại của người mua cùng số lượng ma túy qua cho Đ, Đ sẽ kêu S đến phòng trọ số 10 lấy ma túy đi giao hoặc đưa ma túy cho G đi giao. Khi S và G không kịp giao ma túy cho người mua thì Đ lấy ma túy rồi cùng V1 đi giao. Tiền ma túy, đa phần người mua chuyển khoản trả cho T, qua tài khoản ngân hàng số 85853333 (ngân hàng O) tên “Cao Bé L2”.

Khoảng 17 giờ ngày 11/7/2023, T liên hệ qua telegram cho người nam ở Thành phố Hồ Chí Minh, hỏi mua ma túy với số lượng khoảng 150gam ma túy khay, 200 viên thuốc lắc và 10 bọc Chali (ma túy tổng hợp). Trần nhắn tin telegram cho Đ, kêu cung cấp số điện thoại để nhà xe T1 liên hệ đến nhận kiện hàng chứa ma túy của T đã đặt mua. Đ kêu S cung cấp số điện thoại để nhận ma túy thì S cung cấp số 0916372042 của S. Đăng gửi số điện thoại của S cho T, T kêu Đ đón nhận ma túy tại nhà xe T1.

Đến khoảng 05 giờ ngày 12/7/2023, nhà xe T1 nhắn tin qua số điện thoại 0916372042 của Sang, thông báo kiện hàng đã về đến nhà xe T1, S biết là ma túy nên thông báo cho Đ. Sáng cùng ngày, Đ liên hệ qua telegram kêu S và G đi nhận ma túy. G điện thoại thuê G1 (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đi nhận ma túy tại nhà xe T1 mang về đưa cho G tại trước phòng trọ của G thuê thuộc Khóm H, Phường H, thành phố C. Chiều cùng ngày, Đ kêu S và G mang ma túy qua phòng trọ của Đ tại Khóm G, Phường G, thành phố C. Ma túy được ngụy trang dưới lớp dầu ử tóc bên trong 06 (sáu) hộp nhựa, để trong hộp carton. Sau đó, Đ, G và S cùng lau chùi lớp dầu ử tóc dính trên các bọc ma túy. Sau khi lau sạch lớp dầu, Đ, S và G lấy ma túy khay ra phân thành nhiều bọc nhỏ, rồi đưa cho Trần Triệu V1 dùng bật lửa hàn kín các bọc ma túy. Phân ma túy xong, Đ lấy một ít ma túy khay để lại trong phòng trọ để đi giao khi có người mua. Phần ma túy còn lại, Đ đưa cho G và S mang qua phòng trọ số 10, nhà trọ “Thành Phát” cất giấu. Số ma túy trên, T đã chỉ đạo cho Đ, S và G bán hết cho người mua.

Đến chiều ngày 14/7/2023, T tiếp tục liên hệ qua telegram cho người nam ở Thành phố Hồ Chí Minh, hỏi mua ma túy với số lượng 200gam ma túy khay, 200 viên thuốc lắc và 10 bọc Chali. Trần nhắn tin telegram cho Đ, kêu cung cấp số điện thoại để nhà xe T1 liên hệ nhận ma túy như lần trước, Đ kêu Trịnh Hoàng G cung cấp số điện thoại để nhận ma túy thì G cung cấp số 0816678121 của G. Đăng gửi số điện thoại của G cho T, T kêu Đ đón nhận ma túy tại nhà xe T1.

Sáng ngày 15/7/2023, nhà xe T1 nhắn tin qua số điện thoại 0816678121 của G, thông báo kiện hàng đã về đến nhà xe T1. G biết là ma túy nên thông báo cho Đ, Đ kêu G và S đi nhận. G điện thoại thuê G1 (không biết họ tên, địa chỉ cụ thể) đến phòng trọ chờ G đi nhận ma túy. Khi đi đến ngã tư đường N tiếp giáp đường C, Phường E, thành phố C, G ghé vào quán cà phê ngồi rồi thuê G1 đi nhận kiện hàng chứa ma túy tại nhà xe T1. Nhận xong kiện hàng, G1 quay lại quán cà phê đưa cho G 01 hộp carton rồi chờ G về phòng trọ. Chiều cùng ngày, Đ điện thoại kêu S và G mang ma túy qua cho Đ. Khoảng 30 phút sau, S điều khiển xe đến rước G tại phòng trọ và mang theo hộp carton chứa ma túy. Khi đến phòng trọ của Đ thì Đ, G và S cùng mở hộp carton, bên trong có 06 (sáu) hộp nhựa, mỗi hộp đều có chứa ma túy, được ngụy trang dưới lớp dầu ử tóc. Đ, S, G và V1 cùng lau chùi lớp dầu ử tóc dính bên ngoài các bọc ma túy. Lau xong, Đăng kiểm tra số lượng ma túy đúng như T đặt mua, rồi đưa ma túy cho S và G mang đến phòng trọ số 10, nhà trọ “Thành Phát” cất giấu.

Đến khoảng 18 giờ ngày 16/7/2023, Đ điện thoại cho S kêu đến phòng trọ số A, nhà trọ “Thành Phát” lấy ma túy mang qua phòng trọ của Đ để phân nhỏ. Đ và S, G cùng phân nhỏ ma túy. Phân ma túy xong, Đ lấy một ít ma túy khay để lại trong phòng trọ, khi có người mua thì lấy đi giao. Phần ma túy còn lại, Đ đưa cho S và G mang đến phòng trọ số 10, nhà trọ “Thành Phát” cất giấu. Một phần trong số ma túy nêu trên, đã được bị cáo T chỉ đạo bán cho người mua. Chiều ngày 17/7/2023, Đ kêu S lấy ma túy tại phòng trọ số A, nhà trọ “Thành Phát” mang qua cho Đ, mục đích để tìm thuê phòng trọ khác cất giấu ma túy. S vừa lấy ma túy ra khỏi phòng trọ thì bị bắt quả tang, thu giữ 24 (hai mươi bốn) bọc nilon chứa ma túy loại ketamine, 70 (bảy mươi) viên ma túy loại MDMA và 03 (ba) bọc nilon in chữ Chali chứa ma túy tổng hợp. Kiểm tra trong phòng trọ số A, nhà trọ “Thành Phát”, thu giữ thêm 100 (một trăm) viên ma túy loại MDMA.

Tại Kết luận giám định số 352/KL-KTHS ngày 23/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh C, xác định khối lượng ma túy thu giữ của Trần Ngọc S là 142,0822gam (Trong đó: 76,4585gam loại MDMA; 63,5461gam loại Ketamine; 2,0776gam loại MDMA, Methamphetamine và N).

Ngoài ra, trong vụ án còn có đường dây mua bán ma túy thứ hai và thứ ba do Nguyễn Thị Mỹ T cầm đầu nhưng không liên quan đến bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Hoàng G nên Hội đồng xét xử không nêu ra cụ thể.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2025/HS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau, đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

2. Về mức hình phạt: Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng G 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Đăng Trường V, Huỳnh Chí H, Trần Triệu V1, Võ Hải Đ, Huỳnh Đ1, Trần Nhật Q; về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm, và quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 20/01/2025, bị cáo Trần Ngọc S có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Bị cáo S thừa nhận án sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là đúng người, đúng tội nên bị cáo không kháng cáo kêu oan. Bị cáo chỉ kháng cáo với mong muốn được giảm nhẹ hình phạt, với các lý do sau: Gia đình bị cáo có 04 người thuộc diện đặc biệt khó khăn, cha bị cáo lớn tuổi bệnh nặng, mẹ bị cáo lớn tuổi bệnh nhưng hàng ngày phải đi bán vế số kiếm tiền lo cho gia đình, em gái bị cáo còn đi học; bị cáo là lao động chính

trong gia đình, rất hối hận về hành vi phạm tội của bị cáo, cảm thấy có lỗi với gia đình và những người bị hại, có tội với pháp luật. Vì vậy, bị cáo kháng cáo xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, phấn đấu báo hiếu cha mẹ và trở thành công dân tốt.

- Ngày 22/01/2025, bị cáo Trịnh Hoàng G có đơn kháng cáo án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 16 năm tù là quá nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai trái nên đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án, nên bị cáo kháng cáo. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- *Bị cáo Trần Ngọc S và Trịnh Hoàng G cùng trình bày:* Giữ nguyên lý do và yêu cầu kháng cáo như nêu trên. Các bị cáo thừa nhận án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội “*Mua bán trái phép chất mua túy*” là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung án sơ thẩm đã viện dẫn nêu trên là hoàn toàn đúng nên các bị cáo thừa nhận toàn bộ chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình nên xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng, lo cho gia đình và làm công dân có ích cho xã hội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*** Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng S1 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” và xử phạt các bị cáo theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan, sai. Khi xem xét quyết định về hình phạt, Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ; quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mức án Tòa sơ thẩm tuyên phạt đối với từng bị cáo là đã tương xứng với hành vi của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có căn cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

- ***Luật sư Trần Thanh P bào chữa cho bị cáo S1 và bị cáo G trình bày:*** Thống nhất với nội dung vụ án, tội danh và khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đã kết luận nên không tranh luận. Luật sư chỉ phân tích về các tình tiết: Quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình các bị cáo khó khăn về kinh tế; các bị cáo đều còn trẻ tuổi, vẫn còn khả năng cải tạo, giáo dục, theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

Lời nói sau cùng, các bị cáo vô cùng ân hận về hành vi phạm tội của mình và mong Hội đồng xét xử cho nhận sự khoan hồng của pháp luật, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “*Mua bán trái phép chất mua túy*” như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và các bị cáo khác là Nguyễn Thị Mỹ T, Võ Hải Đ, Trần Triệu V1, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, theo đó có cơ sở xác định:

Các bị cáo G và S đã có hành vi cùng bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Võ Hải Đ, Trần Triệu V1 đã có nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy đến chiều ngày 17/7/2023, S bị bắt quả tang, thu giữ 24 (hai mươi bốn) bọc nilon chứa ma túy loại ketamine, 70 (bảy mươi) viên ma túy loại MDMA và 03 (ba) bọc nilon in chữ Chali chứa ma túy tổng hợp. Kiểm tra trong phòng trọ số A, nhà trọ “Thành Phát”, thu giữ thêm 100 (một trăm) viên ma túy loại MDMA.

Tại Kết luận giám định số 352/KL-KTHS ngày 23/7/2023 của Phòng K Công an tỉnh C, xác định khối lượng ma túy thu giữ của Trần Ngọc S là 142,0822gam (Trong đó: 76,4585gam loại MDMA; 63,5461gam loại Ketamine; 2,0776gam loại MDMA, Methamphetamine và N).

Vì thế, Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G phạm tội “*Mua bán trái phép chất mua túy*” tội danh và hình phạt quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội không oan sai.

[3] Xét tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về ma túy của nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, khối lượng ma túy các bị cáo mua bán là rất lớn. Cần xử phạt nghiêm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội có tổ chức, giữa các bị cáo có sự phân công thực hiện việc cất giấu và mua bán ma túy cụ thể: Đối với bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G đã thực hiện với vai trò đồng phạm, giúp cho bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T liên hệ trực tiếp với các đối tượng mua ma túy và giao ma túy.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét:

- Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều phạm tội nhiều lần, phạm tội có tổ chức nên áp dụng điểm a, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo Trần Ngọc S được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nộp thu lợi bất chính 300.000 đồng.

+ Bị cáo Trịnh Hoàng G được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo nộp thu lợi bất chính 1.500.000 đồng.

Xét các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, Tòa sơ thẩm đã cho các bị cáo hưởng đầy đủ, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới, mức hình phạt Tòa sơ thẩm đã tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của Luật sư, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G, giữ nguyên án sơ thẩm.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Đăng Trường V, Huỳnh Chí H, Trần Triệu V1, Võ Hải Đ, Huỳnh Đ1, Trần Nhật Q; về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

2. Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm h khoản 3 Điều 251 của Bộ luật Hình sự,

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Trịnh Hoàng G 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

- Tiếp tục tạm giam các bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Trần Ngọc S, Trịnh Hoàng G, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mỹ T, Nguyễn Đăng Trường V, Huỳnh Chí H, Trần Triệu V1, Võ Hải Đ, Huỳnh Đ1, Trần Nhật Q; về hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau “để tổng đạt cho các bị cáo”;
- Lưu HS (2), VT (5), 20b, (TK-PH).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu